

Bản án số: 42/2023/DS – PT
Ngày: 18 - 4 - 2023
V/v tranh chấp: Quyền sử dụng
đất và Hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLPT – DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS – ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tiểu khu Liên P, thị trấn Đà B, huyện Đà B, tỉnh Hoà B. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 7, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 7, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Nhông Nương Tự, xã Phú S, huyện Ba V, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Trung H: Ông Lê Ngọc H - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Đa P – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Nhông Nương Tự, xã Phú S, huyện Ba V, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bà Cao Thị H, sinh năm 1955; nơi ĐKKTT: Xóm 7, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1942; địa chỉ: Xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tiểu khu Liên P, thị trấn Đà B, huyện Đà B, tỉnh Hoà B. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Ngọc T (V), sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T (là bị đơn); chị Nguyễn Thị H, bà Cao Thị H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2022, tại bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bố bà là cụ Nguyễn Đình Phon, chết năm 1991; mẹ bà là cụ Ngô Thị Thềm, chết năm 2010. Hai cụ có bảy người con là Nguyễn Văn Quỳnh, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Ngọc T (V), Nguyễn Thị R (con nuôi từ nhỏ), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H. Ông Quỳnh chết năm 1998. Hai cụ có tài sản chung là thửa đất tại xóm 9, xã Hồng T, huyện Giao T. Ngày 14-8-2001, cụ Thềm đã họp gia đình cho đất bà là phần đất nằm ở giữa V chiều rộng là 12,5m và chiều dài là 54m; ông Q, ông T sử dụng phần đất ở hai bên. Ông Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, phần đất cho ông

T hiện ông T đang quản lý, sử dụng nhưng do bận công việc, ở xa nên bà và ông T chưa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất vẫn mang tên cụ Thềm. Việc cụ Thềm cho bà đất được thể hiện trong giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 có sự chứng kiến của các thành viên trong gia đình và các con trai, con gái ký tên; con dâu và con rể không được họp gia đình. Khi cho đất, cụ Thềm chỉ rõ khu vực đất cho. Hiện trạng lúc đó là 2 cái ao, bà đã lấp ao trồng cây, xây tường bao. Vì ở xa nên bà đã cho ông T và ông Q trồng cây ở hai bên thửa đất. Tháng 8/2021, khi bà biết anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Trung H đã cho máy móc vào phá tường mức đất để xây nhà, đánh các cây ông Q đã trồng trên $\frac{1}{2}$ diện tích đất bà được cho để trồng ở lề đường. Bà đã điện thoại can ngăn anh T, anh Hiếu không xây dựng nhưng không được nên bà đã nhiều lần về trực tiếp gặp anh T, anh Hiếu mặc dù thời điểm đó do có dịch Covid-19 đi lại rất khó khăn. Bà cũng đã nhiều lần làm đơn đề nghị ủy ban xã Hồng T giải quyết. Khi bà về làm việc thì anh T, anh Hiếu mới bắt đầu xây móng nhà, Ủy ban nhân dân xã Hồng T đã hòa giải hai bên nhưng không thành và đã yêu cầu hai bên giữ nguyên hiện trạng, không được tiếp tục xây dựng. Nay bà đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của bà đối V phần diện tích đất cụ Thềm đã cho tại Giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 và buộc anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Trung H phải phá dỡ các công trình đã chiếm giữ, xây dựng trái phép để trả đất cho bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L có quan điểm: Bà chỉ yêu cầu cạnh phía Nam là 11,7m; phần diện tích đất mà ông Q đã xây bà không yêu cầu giải quyết; bà nhận sở hữu các cây do ông T trồng trên đất và thanh toán giá trị cây trồng cho ông T; nhận sở hữu công trình do anh T, anh Hiếu đã xây và thanh toán giá trị công trình đã xây dựng cho anh T, anh Hiếu.

** Tại bản tự khai ngày 25-3-2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Trung H trình bày:* Bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Quỳnh và bà Cao Thị H có 3 người con là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H và anh. Ông Quỳnh là con trai cả của cụ Thềm và cụ Phon. Ông Quỳnh chết năm 1998. Khi còn sống, cụ Thềm và cụ Phon đã cho đất 3 người con trai là ông T (V), ông Q và bố anh (Quỳnh). Phần đất đang tranh chấp là của bố anh đã được cụ Phon cho và mẹ anh có thời gian trồng cây trên diện tích đất này. Sau khi ông Quỳnh mất vài năm, ông V đã đuổi mẹ anh không cho trồng cây. Cụ Thềm không có quyền cho bà L, giấy ủy nhiệm không có chữ ký của mẹ con anh. Sau này bà L đã san lấp ao, ông Q và ông T mỗi người dùng một phần để trồng cây. Việc bà L lấp ao, xây tường bao mẹ con anh đều biết nhưng không có ý kiến phản đối vì nghĩ đất đó đã là của ông Quỳnh nên không ai chiếm được. Tháng 8/2021, khi anh và anh T xây nhà có xin ý kiến của ông Q, ông T và xin ông Q chuyển cây xanh ra mặt đường. Anh và anh T đứng ra mua bán nguyên vật liệu, thuê thợ xây nhà. Việc lo đám hiếu cho cụ Thềm và các công việc của các cụ, các cô chú đều phải đóng góp, còn mẹ anh (bà Hường) đóng góp cụ thể như thế nào anh không biết. Đối V phần diện tích ông Q xây sang, yêu cầu phá dỡ; phần đất cụ Phon, cụ Thềm đã cho

ông Q, ông T (V), không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh không đồng ý V yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Tại bản tự khai ngày 31-3-2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị H đều có quan điểm trình bày:* Cụ Thềm và cụ Phon có 7 người con, cụ Phon chết năm 1991, cụ Thềm chết năm 2010, ông Quỳnh chết năm 1998. Việc bà L được cụ Thềm cho đất vợ con ông Quỳnh là bà Cao Thị H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trung H không được biết. Đất của cụ Phon và cụ Thềm đã cho 3 người con trai là ông Quỳnh, ông Q và ông T (V); phần đất đang tranh chấp là cụ Phon đã cho ông Quỳnh, cụ Thềm không có quyền cho bà L diện tích đất này. Khi xây nhà, anh T, anh Hiếu có hỏi ý kiến của mọi người trong gia đình, việc đánh cây xanh do ông Q trồng cũng đã hỏi ông Q. Mẹ con chị Hương đều biết việc bà L lấp ao, xây tường bao nhưng không có ý kiến gì vì nghĩ đất đã được cụ Phon cho ông Quỳnh nên là của ông Quỳnh; việc anh T, anh Hiếu xây dựng nhà trên đất là hợp pháp, giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 không có giá trị pháp lý. Trước kia, ông Q có xin ông Quỳnh 50 cm đất phía trước để làm sân; đối V phần diện tích ông Q xây sang yêu cầu phá dỡ; phần đất cụ Phon đã cho ông Q, ông T (V) không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L

** Tại đơn trình bày ngày 13-4-2022 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị H trình bày:* Chồng bà là ông Nguyễn Văn Quỳnh, là anh trai của bà Nguyễn Thị L. Cụ Phon và cụ Thềm đã chia đất cho 3 người con trai là ông Quỳnh, ông Q và ông T. Chồng bà được chia phần đất ở giữa hiện bà L đang tranh chấp. Bà không đồng ý V yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị R có quan điểm:* Bà là chị gái của bà L. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Phon và cụ Thềm. Hai cụ chết không để lại di chúc và đã cho đất những ai thì bà không nắm được. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có quan điểm:* Bà là em gái của bà L. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Phon và cụ Thềm; hai cụ chết không để lại di chúc. Cụ Thềm đã cho đất bà L, mọi người trong gia đình đều biết. Khi anh T, anh Hiếu xây nhà, bà L không đồng ý nhưng anh T, anh Hiếu vẫn tiếp tục làm. Bà L đã lo hết công việc cho bố mẹ; bà đã ký tên trong giấy ủy nhiệm. Nay bà L khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là chị gái của bà L. Khi còn sống cụ Phon có lên tiếng cho đất ông Quỳnh nhưng ông Quỳnh đã có rất nhiều đất, có cả đất trong miền Nam và không nhận đất cụ Phon cho vì muốn đầu tư ở xã Hoàn Sơn, vì vợ chồng ông Quỳnh ở xã Hoàn

Sơn. Mọi người trong gia đình cũng góp vốn đưa cho ông Quỳnh để xây dựng cơ sở ngoài đó. Cụ Thềm đã cho đất bà L, việc này mọi người trong gia đình đều biết và nhất trí. Bà L đã san lấp 02 cái ao để có mảnh đất như hiện nay, đổ sân, làm nhà ở bên cạnh cho cụ Thềm ở cùng V vợ chồng ông T; hiện phần đất và tài sản này do vợ chồng ông T quản lý, sử dụng. Nhiều năm nay, mọi người đều không có ý kiến và đều biết đó là đất của bà L đã được cụ Thềm cho. Bà L là người đứng ra lo việc cho bố mẹ. Nay bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Ông được cụ Phơn và cụ Thềm cho đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L đã được cụ Thềm cho đất; mọi việc khác ông không liên quan.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T (V) trình bày:* Trước kia, cụ Phơn có lên tiếng cho đất 3 con trai nhưng ông Quỳnh không lấy đất; sau khi cụ Phơn chết, cụ Thềm đã cho đất bà L, mọi người trong gia đình đều biết, không ai có ý kiến gì. Bà L đã san lấp ao, trồng cây, bà L cũng đã lo hết mọi việc trong gia đình.

** Ủy ban nhân dân xã Hồng T cung cấp:* Căn cứ bản đồ năm 1987, tờ bản đồ số 3, thửa số 676 mang tên cụ Phơn, có diện tích 2.366 m². Theo bản đồ địa chính năm 1992, tờ bản đồ số 25, thửa số 118: 440 m², thửa số 119: 90 m²; thửa số 120: 240 m²; thửa số 121: 71 m²; thửa số 122: 112 m² đều mang tên cụ Phơn. Ba thửa đất mang tên ông Q là thửa số 125: 142 m², thửa số 124: 338 m², thửa số 123: 199 m². Theo bản đồ địa chính năm 2006, tại tờ bản đồ số 10, thửa số 11, diện tích 1486 m², mang tên cụ Thềm diện tích 1.486 m²; thửa số 12 mang tên ông Q diện tích là 861 m². Khi xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu các đương sự giữ nguyên hiện trạng; trong thời gian đó, bà L có về giải quyết nội bộ gia đình; khi anh T, anh Hiếu tiếp tục xây dựng, Ủy ban nhân dân xã không nhận được bất kỳ sự phản hồi nào từ phía gia đình nên cho rằng các bên đã tự thỏa thuận được V nhau.

** Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao T cung cấp:* Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thềm, do có sai sót trong in ấn nên đã in nhầm Thềm thành Thêm (Văn phòng có lưu đơn gốc để chứng minh).

** Tại bản kết luận giám định số 840/Kl-KTHS ngày 22-6-2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:*

“ 1. Chữ “Nguyễn t Huệ” dưới mục “con gái” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so V chữ viết Nguyễn thị Huệ trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1) và chữ “Huệ” tại dòng 29 tờ 1, dưới mục “Người khai” tại tờ 2 trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

2. Chữ “Nguyễn Ngọc T” dưới mục “con trai” trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so V chữ viết tại dòng 27 tờ 1, chữ viết dưới mục “Người khai” tại tờ

2 trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M3) và chữ viết tại mục 5,6,7,11,15,16,17, dưới mục “Người khai ký tên” trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) là do cùng một người viết ra”.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS – ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của TAND huyện Giao T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 461 Bộ luật Dân sự 1995; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013; Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thể hiện tại Giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 giữa cụ Ngô Thị Thêm và bà Nguyễn Thị L có hiệu lực.

Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng 669 m² tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10 tại xóm 9 xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định có tứ cận liền kề như sau: phía Nam giáp đường trục xã đoạn 5 - B dài 11,7m; phía Bắc giáp phần đất của cụ Thêm còn lại đoạn a - b dài 12,5m; phía Tây giáp đất ông Q là một đoạn gấp khúc đi qua các điểm 5 - 6: 6,7m; 6 - 7: 0,8m, 7 - b: 47,5m; phía Đông giáp phần đất của cụ Thêm còn lại (đang do ông T quản lý sử dụng) đoạn a - B: dài 54m (có sơ đồ kèm theo).

2. Bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu các cây trồng trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T (V) giá trị các cây trồng trên đất là 465.000 đồng.

3. Ông Nguyễn Ngọc T (V) được nhận thanh toán giá trị các cây trồng từ bà Nguyễn Thị L là 465.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị L được sở hữu các công trình xây dựng trên đất (nhà cấp 4, nhà vệ sinh, bếp, sân, mái tôn, ngõ, tường rào) và có trách nhiệm thanh toán giá trị công trình xây dựng cho anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Trung H 150.076.000 đồng.

5. Anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Trung H được nhận thanh toán giá trị các công trình xây dựng trên đất từ bà Nguyễn Thị L là 150.076.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 05 tháng 10 năm 2022, anh Nguyễn Trung H có kháng cáo V nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2022/DS – ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của TAND huyện Giao T. Bố anh là con đẻ của cụ Nguyễn Đình Phơn. Bố anh chết sau ông vì vậy bố anh phải được quyền thừa kế và anh là người thừa kế ở hàng thế vị. Bà Thêm không có quyền viết giấy định đoạt khối tài sản của ông

Nguyễn Đình Phon. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục thừa kế theo pháp luật.

** Ngày 05 tháng 10 năm 2022, anh Nguyễn Văn T có kháng cáo V nội dung:* Đề nghị mở phiên tòa phúc thẩm công khai và đưa một kết luận bản án rõ ràng; Xem xét lại phần viện dẫn của Viện kiểm sát huyện Giao T và kết luận bản án của Tòa án huyện Giao T; Xem xét lại giấy cho tặng của bà Ngô Thị Thêm cho nguyên đơn, việc tặng cho này là không hợp pháp.

** Ngày 05 tháng 10 năm 2022, chị Nguyễn Thị H có kháng cáo V nội dung:* Đề nghị xem xét lại giấy ủy quyền của bà Ngô Thị Thêm cho bà Nguyễn Thị L; Xem xét lại viện dẫn của Viện kiểm sát huyện Giao T V quyết định của bản án số 16/2022/DS – ST ngày 23 tháng 9 năm 2022; Đất chưa được chia tại sao lại có bản đồ đo vẽ ở bản án; Trong nội dung bản án không viện dẫn nội dung điều luật đã áp dụng; Xem xét lại trang số 3, trích dẫn tự khai của chị, chị không khai là “phần đất của cụ Phon cho ông Q và ông T không đề nghị xem xét và giải quyết”; Xem xét lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và bà Thêm.

** Ngày 05 tháng 10 năm 2022, bà Cao Thị H có kháng cáo V nội dung:* Ông Nguyễn Đình Phon chết năm 1991, chồng bà chết năm 1998 bà là người được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Ngọc Quỳnh nhưng trong buổi họp của gia đình để phân chia đất không có bà. Bà không nhất trí V bản án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử lại theo luật thừa kế của pháp luật.

** Tại phiên tòa:*

- Anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vì bà được mẹ cho đất bằng Giấy ủy nhiệm lập ngày 14/8/2001, khi đó có các anh chị em trong gia đình và cô ruột chứng kiến; con dâu và con rể không được tham gia. Sau đó đến ngày 13/4/2022 thì anh em cũng họp gia đình và cũng công nhận việc mẹ cho bà đất và bà là người có trách nhiệm lo cho mẹ khi về già, lo hậu sự cho bố; mẹ cho ai đất là quyền của mẹ theo luật đất đai, toàn bộ những việc mẹ yêu cầu thì bà cũng đã thực hiện đầy đủ. Ngay từ khi được mẹ cho đất bà đã xây tường bao và thuê san lấp từ ao để thành đất để trồng cây như hiện nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà.

- Luật sư Lê Ngọc H trình bày: Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 461 Bộ luật dân sự để giải quyết là không đúng mà phải áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự mới đúng vì là tặng cho bất động sản. Không chấp nhận quan điểm có căn cứ của Viện kiểm sát huyện Giao T là sai; đồng tình V quan điểm có căn cứ của Viện kiểm sát huyện Giao T là phù hợp V pháp luật. Cấp sơ thẩm đã không nhận định đối V quan điểm

của Viện kiểm sát và của luật sư. Nguyên đơn khởi kiện 2 yêu cầu, đó là: Công nhận giấy ủy nhiệm lập ngày 14/8/2001 và buộc anh T, anh Hiếu trả lại đất đã chiếm giữ xây dựng trái pháp luật; sơ thẩm công nhận hợp đồng tặng cho là “Giấy ủy nhiệm” có hiệu lực và công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không có căn cứ. Nguyên đơn không có yêu cầu nhưng lại giao cho nguyên đơn sở hữu các cây trồng trên đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Giấy ủy nhiệm lập ngày 14/8/2001, sơ thẩm đã nhận định là không đúng về nội dung và hình thức nhưng sơ thẩm chưa trưng cầu giám định xem có phải chính xác vân tay của cụ Thềm, cụ Ngọ hay không; năng lực dân sự của cụ Thềm khi đã 80 tuổi; giấy ủy nhiệm viết tay không rõ người viết, không phải là cụ Thềm, không phải là bà L, không có công chứng, chứng thực theo Điều 463 là không có giá trị pháp lý. Giấy ủy nhiệm có phần chữ số 12,5 có dấu hiệu sửa chữa, tô lại, không ghi cụ thể thửa đất, không ghi rõ số thửa, diện tích nên không có căn cứ xác định có đúng thửa đất đang tranh chấp hay không mà lại giao cho đương sự. Nhận định của cấp sơ thẩm là mâu thuẫn, không có căn cứ khi đất chưa có giấy chứng nhận nhưng lại giao đất cho người sử dụng. Thời điểm 14/8/2001 thì vẫn là tài sản chung của cụ Phon và cụ Thềm. Cả hình thức và nội dung của “Giấy ủy nhiệm” là vi phạm pháp luật, không hợp pháp, không có giá trị pháp lý thực hiện. Cấp sơ thẩm có một số vi phạm vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng; Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất là của mình, đã được nhà nước công nhận nên không có căn cứ xác định quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm nên chưa đủ căn cứ xác định là tranh chấp đất đai để thụ lý giải quyết theo khoản 24 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; nguyên đơn chưa gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho bị đơn như vậy là vi phạm khoản 7 Điều 70 của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 305, Điều 309 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên hiện trạng thửa đất để đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đều đã chấp hành đầy đủ các qui định của pháp luật.

Về nội dung: Theo bản đồ địa chính năm 1987, tờ bản đồ số 3, thửa số 676 mang tên cụ Phon. Theo bản đồ địa chính năm 2006, tại tờ bản đồ số 10, thửa số 11, diện tích 1486 m² mang tên cụ Thềm diện tích 1.486 m²; thửa số 12 mang tên ông Q diện tích là 861 m². Ngày 04-9-2007 thửa số 11 tờ bản đồ số 10 diện tích 1486 m² tại xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Ngô Thị Thềm. Do đó có cơ sở xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của cụ Thềm và cụ Phon. Hiện thửa đất này một phần là đất đang tranh chấp và một phần do ông T đang quản lý, sử dụng. Ngày 14-8-2001 cụ Thềm đã tặng cho bà Nguyễn Thị L một phần diện tích của thửa số 11 V chiều

rộng 12,5m, chiều dài là 54m, diện tích là 675m². Cụ Thêm có quyền định đoạt ½ diện tích trong tổng số diện tích đất của vợ chồng. Khi tặng cho các bên đều có năng lực hành vi dân sự, việc tặng cho là tự nguyện, là ý chí của cụ Thêm và còn có sự chứng kiến của một số thành viên trong gia đình. Nội dung của giấy ủy nhiệm không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Về hình thức: Giấy ủy nhiệm là giấy viết tay, chưa công chứng, chứng thực chỉ có điểm chỉ và chữ ký của các bên, đất được tặng cho chưa được cấp giấy chứng nhận là chưa phù hợp V quy định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai. Tuy nhiên, bản đồ địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện thửa đất số 11 tờ bản đồ số 10 là của vợ chồng cụ Phon và cụ Thêm. Sau khi được cụ Thêm tặng cho đất bà L đã nhận đất, san lấp ao, đổ đất trồng cây và xây tường bao nhiều năm nay; các anh chị em trong gia đình đều biết, bà Hương và các con có biết nhưng không ai có ý kiến phản đối gì. Bà L đã lo cho bố mẹ và các công việc trong gia đình. Ngày 14/3/2022, các anh chị em trong gia đình đã lập biên bản công nhận việc cụ Thêm cho đất bà L. Vì vậy xác định bà L có quyền sử dụng diện tích đất cụ Thêm tặng cho theo giấy ủy nhiệm ngày 14/8/2001. Trên phần đất tranh chấp ông Q đã xây dựng một phần sân và hàng rào nhưng bà L không yêu cầu giải quyết mà đề nghị xác định cạnh phía Nam là 11,7m; bà L cũng nhận trách nhiệm thanh toán cho ông T giá trị các cây trồng trên đất do đó chấp nhận sự tự nguyện của bà L. Đo đạc cạnh phía Tây dài 54,87m; cạnh phía Đông dài 55,4m nhưng theo giấy ủy nhiệm và bà L chỉ yêu cầu dài 54m nên xác định diện tích đất bà L được hưởng là 669m². Anh T, anh Hiếu đã xây dựng trên đất tranh chấp 1 nhà cấp bốn và các công trình hỗ trợ nhưng khi xây dựng bà L đã báo cáo cơ quan chức năng, UBND xã Hồng T đã giải quyết yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng nhưng anh T, anh Hiếu vẫn tiếp tục xây dựng là vi phạm quy định pháp luật. Đến nay bà L nhận sở hữu các công trình xây dựng và thanh toán giá trị cho anh T, anh Hiếu nên chấp nhận sự tự nguyện của bà L. Đề nghị căn cứ: khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí; đề nghị giữ nguyên án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của TAND huyện Giao T.

Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T, bà Cao Thị H, chị Nguyễn Thị Hlâm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã có giấy triệu tập hợp lệ nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị L, bà

Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T (tức V) vẫn vắng mặt. Bà Cao Thị H có kháng cáo; bà Hương đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Hương có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Các đương sự trong vụ án đều thống nhất: Vợ chồng cụ Nguyễn Đình Phon và cụ Ngô Thị Thêm có 07 người con, gồm: Ông Nguyễn Văn Quỳnh, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Ngọc T (tức V), bà Nguyễn Thị L.

Cụ Nguyễn Đình Phon chết năm 1991, cụ Ngô Thị Thêm chết năm 2010, ông Nguyễn Văn Quỳnh chết năm 1998; đều không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Văn Quỳnh có vợ là bà Cao Thị H và 03 con là anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T, bà Cao Thị H, chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì: Bản đồ địa chính năm 1987 tại tờ bản đồ số 3, thửa số 676 mang tên cụ Phon có diện tích 2.366m². Bản đồ địa chính năm 1992 tại tờ bản đồ số 25, thửa số 118 (440m² đất 2 lúa; thửa 119 diện tích 90m² đất 2 lúa; thửa 120 diện tích 240m² đất ở; thửa 121 diện tích 71m² là đất vườn; thửa 122 diện tích 112m² đất ao) mang tên cụ Phon. 03 thửa đất mang tên ông Quỳnh là thửa số 125 diện tích 142m² đất 2 lúa; thửa 124 diện tích 338m² (gồm ONT 200m², vườn 138m²); thửa 123 diện tích 199m² đất ao. Bản đồ địa chính năm 2006 thì tờ bản đồ số 10, thửa số 11 mang tên cụ Ngô Thị Thêm có diện tích là 1486 m².

Hiện thửa số 11 mang tên cụ Thêm, diện tích 1486 m² tại tờ bản đồ số 10, xóm 9 xã Hồng T gồm một phần là đất đang tranh chấp và một phần diện tích đất hiện ông T đang quản lý, sử dụng.

Năm 2007 cụ Ngô Thị Thêm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 11, tờ bản đồ số 10 V diện tích 1486m² tại địa chỉ: Xóm 9 xã Hồng T, huyện Giao T, tỉnh Nam Định (Gồm đất ONT: 241m²; LNK: 618m²; LUC: 627m²).

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Giao T xác nhận: Đối V trường hợp cấp giấy chứng nhận cho bà Ngô Thị Thêm. Do sai sót khi in ấn nên đã in nhầm Thêm thành Thê.

3.2. Chị Hương, anh T, anh Hiếu cho rằng: Khi ông nội (cụ Phon) còn sống đã chia đất cho 3 người con trai, bố các anh chị là con cả (ông Quỳnh) được ông chia cho phần đất ở giữa còn ông T và ông Q ở hai bên. Khi ông chia đất chỉ chia bằng miệng, không có văn bản, giấy tờ gì. Đến nay, các anh chị không nhớ được là ông đã chia đất cho bố và hai chú vào năm nào.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc T (tức V) có quan điểm trình bày: Khi bố còn sống có chia đất cho 3 con trai là ông V Quỳnh và ông Q nhưng khi đấy ông Quỳnh không lấy đất bố mẹ cho.

3.4. Bà Nguyễn Thị L cũng có quan điểm trình bày: Khi bố còn sống cũng có lên tiếng cho ông Quỳnh phần đất có tranh chấp nhưng do ông Quỳnh mở cửa hàng sửa xe máy và bán xe máy nên không nhận phần đất này và muốn đầu tư ở xã Hoàn Sơn, mọi người trong gia đình cũng góp vốn cho anh để xây dựng cơ sở ngoài đấy.

3.5. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Ngọc T lại đều có quan điểm: Phần đất đang có tranh chấp là của cụ Thềm, cụ Thềm đã cho bà L. Khi cho đất bà L, mẹ là cụ Thềm đã họp gia đình và không ai có ý kiến gì.

3.6. Bà Nguyễn Thị L cho rằng: Ngày 14-8-2001 mẹ là cụ Thềm có họp gia đình và cho bà phần đất nằm ở giữa có chiều rộng là 12,5m và dài 54m còn ông Q và ông T sử dụng phần đất 2 bên. Ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, phần đất còn lại ông T đang quản lý, sử dụng. Ngay khi được mẹ cho đất bà đã xây tường bao và thuê san lấp ao để thành vườn trồng cây. Do bà ở xa, bận công việc nên bà và ông T chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất vẫn mang tên cụ Thềm. Việc mẹ (cụ Thềm) cho đất bà cũng đã được lập bằng giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001; khi đó có sự chứng kiến của cô em bố là Nguyễn Thị Ngọ và các con trai, con gái ký, khi đó con dâu và con rể thì không được họp gia đình.

[4] Xét nội dung “Giấy ủy nhiệm” thể hiện: Cụ Ngô Thị Thềm (80 tuổi) do tuổi cao sức yếu có cắt cho con gái là chị Nguyễn Thị L một nửa diện tích là: rộng 12,5m chiều dài 54m còn phần người thừa kế là chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm lo cho tôi khi về già phần hậu sự và lo thay áo cho ông Nguyễn Đình Phơn. “Giấy ủy nhiệm” được lập ngày 14-8-2001; Người ủy nhiệm và em gái ông Nguyễn Đình Phơn điểm chỉ; Người chứng kiến gồm: “con trai Nguyễn Ngọc T, con chại Nguyễn V Quỳnh, con gái Nguyễn T Huệ, Nguyễn Thị L”

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy: Cụ Ngô Thị Thềm cho đất bà Nguyễn Thị L được thể hiện theo như “Giấy ủy nhiệm” viết ngày 14-8-2001, có sự chứng kiến của em gái cụ Phơn là cụ Nguyễn Thị Ngọ và con trai là Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn Q cùng con gái là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L. “Giấy ủy nhiệm” được lập nhưng không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Việc cụ Thềm cho đất bà L thông qua “Giấy ủy nhiệm” mà không có công chứng chứng thực là chưa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Đình Phơn và cụ Ngô Thị Thềm, các đương sự đều thừa nhận phần đất đang có tranh chấp nằm ở giữa còn ông T và ông Q ở hai bên. Việc cụ Thềm cho bà L một phần đất có chiều rộng 12,5m chiều dài 54m (diện tích là 675m²) như vậy là thuộc quyền định đoạt của cụ Thềm trong khối tài sản chung của cụ

Thêm và cụ Phơn. Cụ Thêm định đoạt cho con gái là Nguyễn Thị L đối V diện tích $675\text{m}^2/1486\text{m}^2$ như vậy là chưa vượt quá phần quyền định đoạt đối V phần tài sản của cụ Thêm. Mặt khác, cụ Thêm cho bà L một phần đất là cho có điều kiện; đó là bà L phải có trách nhiệm lo cho cụ Thêm khi về già phần hậu sự và lo thay áo cho ông Nguyễn Đình Phơn.

Theo bà L, bà nhận phần đất được mẹ cho và bà đã có trách nhiệm V bố mẹ theo như giấy ủy nhiệm đã nêu.

Thực tế từ khi được cho đất, bà L đã xây tường bao và đã san lấp vượt lập để có được thổ đất như hiện nay. Theo ông Bùi Văn Lãng (xóm trưởng) thì đất của cụ Thêm cho 2 con trai 2 bên, phần ở giữa cho bà L là ao, bà L san lấp, tôn tạo nên mới được mảnh đất như hiện nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2022, chị Nguyễn Thị H cũng có quan điểm: “... *phần đất đang tranh chấp khi đó có 01 cái ao...*”, “... *cái ao là do cô Liên san đất...*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị H trình bày: Khi cô Liên san lấp ao có nhìn thấy nhưng chúng tôi không có ý kiến gì. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Trung H trình bày: Có biết cô Liên lấy đất đã lấp ao và xây tường nhưng vì lúc đó mẹ gặt đi và bảo người ta tham cứ để người ta dùng mình nghèo mình cứ sống theo kiểu nghèo đừng tranh chấp gì do vậy mà các anh chị em anh không ai có ý kiến gì.

Như vậy, sau khi được mẹ cho đất bà L đã san lấp, xây tường bao từ năm 2001-2002 nhưng không ai có ý kiến gì. Đến nay, 5 người con của cụ Phơn và cụ Thêm đều thừa nhận việc cụ Thêm đã cho đất bà L. Tại “Biên bản họp gia đình” ngày 13-4-2022 V thành phần gồm: Nguyễn Thị R, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Thiên (tên thường gọi V) là các con trai và con gái của cụ Phơn và cụ Thêm cũng thể hiện: “*Nội dung họp thống nhất về việc đất đai thổ nhượng...*”; “... *vào ngày 14 tháng 8 năm 2001. Bằng lời nói và giấy ủy nhiệm cho con là Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Thiên ...*”

[6] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của bà đối V phần diện tích đất cụ Thêm đã cho tại Giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 và buộc bị đơn phá dỡ các công trình đã chiếm giữ, xây dựng trái phép để trả lại đất cho nguyên đơn. Nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập; các đương sự không ai có yêu cầu gì khác. Cấp sơ thẩm không thụ lý, xem xét giải quyết về việc chia di sản thừa kế nên cấp phúc thẩm cũng không xem xét giải quyết đối V nội dung kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Cao Thị H, anh Nguyễn Trung Hiếu.

[7] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31-3-2022, chị Nguyễn Thị H có quan điểm trình bày: Phần đất cho 2 chú không yêu cầu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25-3-2022, anh Nguyễn Trung H cũng có quan điểm: Đất 2 bên cạnh là của chú

Quynh và chú V cũng đã được ông bà tôi cho đất. Tôi không yêu cầu gì đối V phần đất đã cho 2 chú. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

[8] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm, không có đương sự nào có ý kiến gì, không có ai đề nghị xem xét đối V điểm chỉ của người ủy nhiệm (cụ Ngô Thị Thễm) và điểm chỉ của em gái ông Nguyễn Đình Phơn. Chị Nguyễn Thị H chỉ có “... đề nghị Tòa án giám định đối V phần chữ ký của cô Huệ và chú Thiên trong “Giấy ủy nhiệm” thì đã cấp sơ thẩm thực hiện và đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định trả lời tại kết luận giám định số 840/KL-KTHS ngày 22-6-2022.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Đối V phần anh T, anh Hiếu đã xây dựng thì bà L nhận và thanh toán. Bà Nguyễn Thị L có quan điểm: Bà chỉ yêu cầu cạnh phía Nam là 11,7m; phần diện tích đất mà ông Q đã xây bà không yêu cầu giải quyết; bà nhận sở hữu các cây do ông T trồng trên đất và thanh toán giá trị cây trồng cho ông T; nhận sở hữu công trình do anh T, anh Hiếu đã xây và thanh toán giá trị công trình đã xây dựng cho anh T, anh Hiếu.

Các đương sự đều thừa nhận, hiện trên đất tranh chấp có một số cây do ông Nguyễn Ngọc T trồng và công trình xây dựng trên đất có 01 nhà cấp 4 và các công trình hỗ trợ do anh T và anh Hiếu xây dựng.

Đại diện UBND xã Hồng T cung cấp: Hiện trạng đất lúc bà L làm đơn đề nghị gửi UBND xã thì lúc đó anh T và anh Hiếu đã san lấp và làm móng xong. UBND xã cũng đã lập biên bản yêu cầu đình chỉ việc xây dựng và trả lại hiện trạng ban đầu. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định thì thể hiện trên đất đã xây dựng nhà cấp 4, bếp mái bằng, sân lợp tôn và ngõ đổ bê tông. Như vậy, khi cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thể hiện tại Giấy ủy nhiệm ngày 14-8-2001 giữa cụ Ngô Thị Thễm và bà Nguyễn Thị L có hiệu lực thì cấp sơ thẩm đã tuyên bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu các cây trồng trên đất và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T (V) trị giá các cây trồng trên đất; bà Nguyễn Thị L được sở hữu các công trình xây dựng trên đất (nhà cấp 4, nhà vệ sinh, bếp, sân, mái tôn, ngõ, tường rào) và có trách nhiệm thanh toán trị giá công trình xây dựng cho anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Trung H. Như vậy cũng là có cơ sở, cũng đảm bảo quyền lợi của các đương sự chứ không phải là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, các đương sự cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ nào chứng minh cho việc ông Nguyễn Văn Quỳnh được cụ Nguyễn Đình Phon hay cụ Ngô Thị Thêm cho đất.

[11] Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giao T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Trung H, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H, bà Cao Thị H mỗi người phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền do anh Nguyễn Trung H nộp và nộp thay bà Cao Thị H, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T tại các biên lai thu tiền số 0000260, 0000261, 0000262, 0000263 ngày 05-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao T; anh T, anh Hiếu, chị Hương, bà Hường đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND, VKSND huyện Giao T;
- Chi cục THADS huyện Giao T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng